TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 – ĐẮK LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09/7/2026
"V/v tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Thu Hà và ông Niê Y Ling (Ma Bin).

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nghị – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 15 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2026/TLST-HNGĐ, ngày 06/5/2026 về tranh chấp ly hôn và con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/6/2026 và Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số 23/2026/QĐ-TA ngày 07/7/2026 của Toà án nhân dân khu vực 15 – Đắk Lắk giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Khánh L, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 06/5/2026 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Khánh L (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:
Về hôn nhân: Nguyên đơn và anh Nguyễn Văn C (viết tắt là bị đơn) tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2025 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk). Quá trình chung sống do chưa tìm hiểu kỹ nên dù mới chung sống nhưng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn. Về con chung: Có 01 con chung: Nguyễn Minh C1,

sinh ngày 25/11/2025. Do con còn nhỏ nên khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà giải quyết.

Bị đơn trình bày: Không đồng ý ly hôn, vì lý do: Bản thân nhận thấy những mâu thuẫn giữa hai vợ chồng trong cuộc sống có thể giải quyết được, cả hai còn tình cảm với nhau và con còn nhỏ cần được cha, mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì không đồng ý ly hôn nên không đặt vấn đề giải quyết con chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện VKSND khu vực 15 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung: Có 01 con chung: Nguyễn Minh C1 sinh ngày 25/11/2025, vì con còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên đề nghị giao cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn, giải quyết con chung, cấp dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ là ly hôn, tranh chấp về con chung. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: xã E, tỉnh Đắk Lắk theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân khu vực 15 – Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk) được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 05/5/2025 nên xác định quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không đồng ý đoàn tụ; bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại Biên bản xác minh ngày 09/6/2026 địa phương xác định trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn có xảy ra mâu thuẫn và đã được gia đình hai bên hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và hiện tại vợ chồng đang sống ly thân.

Từ căn cứ trên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung: Nguyễn Minh C1 sinh ngày 25/11/2025. Xét thấy, hiện con chung còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) và nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Nguyễn Minh C1 sinh ngày 25/11/2025 cho nguyên đơn trực nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân & gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0004846 ngày 06/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Khánh L.

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Trần Thị Khánh L được ly hôn bị đơn Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh C1, sinh ngày 25/11/2025 cho nguyên đơn Trần Thị Khánh L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn Trần Thị Khánh L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0004846

ngày 06/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b 8 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 15 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Ea Bá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

BÀN THỊ TIÊN